

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC N1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

-Bản án số: 74/2019/HSST

Ngày: 12/6/2019

NHÂN DANH

**N¹ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ TỈNH BẮC N1**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Sơn .
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Hân; Ông Trịnh Văn Toán.

Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Quốc Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 tham gia phiên toà: Ông Đặng Thanh M - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Doãn Văn M, sinh năm 1994. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn BP, xã NH, huyện QV, tỉnh BN. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Doãn Văn C (Đã chết) và bà Doãn Thị H. Gia đình bị cáo có 2 anh em; bị cáo là con lớn. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Trần Văn V, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn BP, xã NH, huyện QV, tỉnh BN. Nghề nghiệp: Đầu bếp. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Trần Văn Th và bà Ngô Thị Tr (Đã chết). Gia đình bị cáo có 05 anh em; bị cáo là con thứ tư. Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: 01 - ngày 19/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử phạt 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1, Điều 248 - BLHS năm 1999. Tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 12/7/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Ngày 11/9/2013 chấp hành xong tiền án phí và tiền phạt bổ sung.

- Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc N1. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: Dương Minh H, sinh năm 1992. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Dương Công Chính và bà Trần Thị Tuyên. Gia đình bị cáo có 03 chị em; bị cáo là con út. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1, Điều 248- BLHS năm 1999. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1988. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn Đức Lượng và bà Ngô Thị Đoàn. Gia đình bị cáo có 03 anh em; bị cáo là lớn nhất. Vợ: Nguyễn Thị Gọn, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1, Điều 248 BLHS 1999. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: Doãn Văn N, sinh năm 1996. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Doãn Văn Đông và bà Dương Thị Mậu. Gia đình bị cáo có 02 anh em; bị cáo là lớn nhất. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 12/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1, Điều 248 BLHS 1999. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ tên: Nguyễn Văn V1, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn Văn Sửu và bà Doãn Thị Nhật. Gia đình bị cáo có 05 chị em; bị cáo là thứ 5. Vợ: Nguyễn Thị Hiền, sinh năm 1987. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ tên: Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1995. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn văn Điệp và bà Ngô Thị Tâm. Gia đình bị cáo có 2 anh em; bị cáo là con út. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa

8. Họ tên: Doãn Văn N1, sinh năm 1999. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Doãn Văn Thu và bà Doãn Thị Phần. Gia đình bị cáo có 3 anh em; bị cáo là con lớn. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ tên: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn Văn Quynh và bà Ngô Thị Hiện. Gia đình bị cáo có 2 chị em; bị cáo là thứ hai. Vợ: Phạm Thị Liên, sinh năm 1994; Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

10. Họ tên: Nguyễn Tá Ng, sinh năm 1998. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn Tá Sáu và bà Nguyễn Thị Hương. Gia đình bị cáo có 02 chị em; bị cáo là thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

11. Họ tên: Doãn Văn Q1, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Doãn Văn Bốn và bà Nguyễn Thị Hân. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là thứ 2. Vợ: Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1993. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

12. Họ tên: Nguyễn Văn S, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không. Giới tính: N. HKTT: thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1. Nghề

nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Là con ông Nguyễn Văn Thụy và bà Nguyễn Thị Hiền. Gia đình bị cáo có 2 anh em; bị cáo là con lớn. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/02/2019 đến ngày 18/02/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 11/02/2019, bị cáo M có tổ chức liên hoan tại nhà và mời anh em, bạn bè đến để ăn cơm uống rượu. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày thì ăn xong, mọi người lên ngồi uống nước. Khi đang uống nước thì bị cáo V1 điện thoại cho M nói: “ Tý anh em vào nhà đánh bạc nhé”. M đồng ý. Khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, V1 đến nhà M thì gặp M, bị cáo N, Q1 đang uống nước tại nhà M. Sau đó bị cáo Đ, N1 đến ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở nhà M. Mọi người cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh “Liêng”.

V1 lấy một cỗ bài tứ lơ khơ ở cửa sổ rồi cùng với Q1, N1, Đ và M ngồi ở chiếu đánh bạc. Mọi người thống nhất là đánh “Liêng” vào “gà” 20.000đồng, tổ kịch không quá 100.000đồng. Cách thức chơi: Sử dụng cỗ bài tứ lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 3 quân bài và đánh theo ngược chiều kim đồng hồ, ai là người chia bài đầu tiên sẽ tổ trước, người tiếp theo có thể “úp bài”, “theo” hoặc “tổ”. Ván bài kết thúc khi không còn ai tổ thêm nữa. Khi này sẽ mở bài nếu ai cao nhất là thắng và được ăn tiền của tất cả người tham gia ở ván bài đó và ăn luôn gà. Các hình thức tính lần lượt là “sáp”, “đồng hoa”, “liêng”, “đĩ” và cuối cùng là tính điểm. Quy ước “sáp” là có 3 quân bài giống nhau, nếu thắng sẽ được ăn tiền của tất cả người tham gia đánh bạc ở ván bài đó “theo” hoặc “tổ”, đồng thời ăn tiền của tất cả những người tham gia mỗi người 100.000 đồng; tiếp đến là “đồng hoa” tức là 3 quân bài liên tiếp đồng chất nếu thắng sẽ được ăn tiền của những người tham gia đánh bạc ở ván bài đó “theo” hoặc “tổ”, đồng thời ăn tiền của tất cả những người tham gia mỗi người 50.000đồng; tiếp đó là “liêng” tức 3 quân bài liên tiếp không cần cùng chất; tiếp đến là “đĩ” là 3 quân bài đầu người và cuối cùng là tính điểm, điểm 9 là cao nhất, chất “rô” là chất được ưu tiên. N ngồi xem mọi người đánh bạc khoảng 10 phút thì N cũng bỏ tiền ra “kê cửa” của M để đánh bạc, N đánh “kê cửa” khoảng 3-4 ván thì thua hết số tiền bỏ ra nên N về nhà trước.

Khi mọi người đang đánh bạc ăn tiền thì bị cáo Q, Đ1, S đến. Q và S ngồi xuống chiếu “mở cửa” đánh bài ăn tiền cùng, Đ1 ngồi xem.

Một lúc sau bị cáo H, Ng, V đến. Do đánh bài thua hết tiền nên Đ dậy đi về thì Ng vào thế chỗ của Đ tham gia đánh bài ăn tiền. V, H, Đ1 cũng bỏ tiền ra cầm ở tay và “kê cửa” những người đánh bài. V “kê cửa” của Ng và Q, Đ1 “kê cửa” của Ng và M, H “kê cửa” của M.

Các đối tượng cùng nhau đánh bài đến khoảng 22h48 phút ngày 11/02/2019 thì bị Công an huyện Quế Võ kết hợp Công an xã Nhân Hòa bắt quả tang 05 đối tượng gồm: Doãn Văn M, Doãn Văn Q1, Dương M H, Nguyễn Văn Đ1 tại chiếu bạc và Doãn Văn N tại sân nhà N (nhà N và nhà M sát nhau, N đánh bài thua hết tiền nên về nhà nghỉ, N bị say rượu khi ra ngoài sân nôn thì bị bắt) và thu giữ vật chứng theo quy định.

Còn Nguyễn Văn S, Trần Văn V, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tá Ng, Doãn Văn N1 bỏ chạy. Nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ngày 12/02/2019 Nguyễn Tá Ng, Trần Văn V đến Công an huyện Quế Võ đầu thú; ngày 13/02/2019 Nguyễn Văn V1, Nguyễn Đức Đ, Nguyễn Văn Q đến Công an huyện Quế Võ đầu thú; ngày 14/02/2019 Doãn Văn N1 đến Công an huyện Quế Võ đầu thú; ngày 15/02/2019 Nguyễn Văn S đến Công an huyện Quế Võ đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ: 5.360.000 đồng trên chiếu bạc, 01 chiếu cói và 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân. Thu của Doãn Văn M: 01 điện thoại di động Iphone 6 thường màu bạc và 6.000.000 đồng; thu của Doãn Văn N 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng và 11.000.000 đồng; thu của Nguyễn Văn Đ1 01 điện thoại di động Samsung J7, 01 xe mô tô Honda Dream BKS 99V2-5601 và 1.820.000 đồng; thu của Doãn Văn Q1 01 điện thoại di động Iphone 7 màu hồng; thu của Dương M H 01 điện thoại di động Iphone X màu trắng và 30.000 đồng.

Tổng số tiền đã thu giữ là: 24.210.000 đồng (trong đó: thu trên chiếc bạc là 5.360.000 đồng; thu trên người các đối tượng bị bắt quả tang là: 18.850.000 đồng); 05 điện thoại di động các loại và 01 xe mô tô Honda Dream BKS 99V2-5601. Trong số tiền thu giữ trên người các đối tượng bị bắt quả tang 18.850.000 đồng xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.820.000 đồng (số tiền thu giữ của M và Đ1). Số tiền 11.030.000 đồng còn lại (số tiền thu giữ của N và H) và 05 điện thoại di động các loại, 01 xe mô tô Honda Dream BKS 99V2 – 5601 xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quế Võ đã trả cho chủ sở hữu, các chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Số tài sản, đồ vật còn lại liên quan đến tội phạm, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quế Võ chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ chờ xử lý.

Đối với điện thoại di động của Doãn Văn M và điện thoại di động của Nguyễn Văn V1 dùng liên lạc với nhau rủ nhau đánh bạc là điện thoại di động Nokia đen trắng. Khi bị Công an bắt quả tang, các đối tượng bỏ chạy, do lộn xộn nên đã bị rơi mất. Hiện không thu hồi được.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Quế Võ, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai nhận khi tham gia đánh bạc:

1. M có khoảng 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang M đang thắng và cất toàn bộ tiền vào ví.

2. Đ1 có 2.220.000đồng dùng để đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang, Đ1 thua khoảng 400.000đồng.

3. N1 có 1.400.000đồng dùng để đánh bạc; khi Công an vào bắt quả tang không biết thắng thua, bỏ toàn bộ tiền dưới chiếu và bỏ chạy.

4. H có khoảng hơn 1.000.000đồng dùng để đánh bạc, H cầm toàn bộ ở tay; khi Công an vào bắt quả tang, H bỏ toàn bộ tiền ở tay xuống chiếu và bỏ chạy thì bị bắt.

5. Ng có 1.000.000đồng dùng để đánh bạc; khi Công an vào bắt quả tang, Ng đang thua, Ng bỏ toàn bộ tiền dưới chiếu và bỏ chạy.

6. Q có 1.000.000đồng dùng để đánh bạc; khi Công an vào bắt quả tang, Q đang thua khoảng 300.000đồng, Q bỏ toàn bộ tiền dưới chiếu và bỏ chạy.

7. Q1 có 800.000đồng dùng để đánh bạc và để dưới chiếu bạc; khi Công an vào bắt quả tang thì Q1 đã bị thua hết.

8. V1 có 600.000đồng dùng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, V1 thắng và cầm 2.500.000 đồng ra để ở trong cốp xe và vào giường nhà M xem mọi người đánh bạc, khi Công an vào bắt quả tang, V1 bỏ chạy. Số tiền ở trong cốp xe công an không thu giữ được.

9. V có khoảng hơn 500.000đồng dùng để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang thì V đã bị thua hết và bỏ chạy

10. Đ có 450.000 đồng dùng để đánh bạc, đánh đến khoảng 21h cùng ngày thì bị thua hết số tiền trên nên Đ đi về nhà.

11. S có khoảng 3.000.000đồng – 4.000.000 đồng để trong ví, S bỏ 300.000đồng ra để đánh bạc. Số tiền còn lại cất ở trong ví không dùng đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, S không biết thắng hay thua, chưa đánh hết số tiền 300.000đ, S để tiền dưới chiếu bỏ chạy và bị rơi mất ví.

12. N mang theo hơn 11.000.000đồng, N dùng 210.000đồng để đánh bạc và bị thua hết nên đi về nhà nghỉ.

Tại bản cáo trạng số 63/Ctr- VKS ngày 07/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 đã truy tố:

Doãn Văn M về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội “Gá bạc”, quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Truy tố Trần Văn V, Dương M H, Nguyễn Đức Đ, Doãn Văn N, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn Đ1, Doãn Văn N1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tá Ng, Doãn Văn Q1 và Nguyễn Văn S về tội “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, sau khi xét hỏi và tranh luận, đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, phân tích tính chất mức độ, nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo, xác định các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng đối với các bị cáo. Kháng định cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ pháp luật. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Doãn Văn M phạm tội: Gá bạc và Đánh bạc. Các bị cáo Trần Văn V, Dương M H, Nguyễn Đức Đ, Doãn Văn N, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn

Đ1, Doãn Văn N1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tá Ng, Doãn Văn Q1 và Nguyễn Văn S phạm tội: Đánh bạc.

Đề nghị xử phạt:

1. Doãn Văn M: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm b, Khoản 1 Điều 322; Điểm s- Khoản 1; Khoản 2 - Điều 51; Điều 38- BLHS: Xử phạt M từ 7 đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”; từ 12 đến 18 tháng tù về tội “Gá bạc”. Áp dụng Điều 55- BLHS: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chịu từ 19 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019; Phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước;

2. Nguyễn Văn Đ1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Đ1 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

3. Doãn Văn N1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt N1 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

4. Dương M H: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt H từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng, phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

5. Nguyễn Tá Ng: Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 35 của BLHS: xử phạt Ng từ 23.000.000đ đến 25.000.000 đồng.

6. Nguyễn Văn Q: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Q từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

7. Doãn Văn Q1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Q1 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

8. Nguyễn Văn V1: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt V1 từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

9. Trần Văn V: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 của BLHS: xử phạt V từ

09 đến 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/02/2019; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

10. Nguyễn Đức Đ: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Đ từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

11. Nguyễn Văn S: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt S từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

12. Doãn Văn N: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt N từ 07 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng; phạt tiền bổ sung bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án : □p dụng Điều 47 BLHS ; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.180.000đ dùng vào việc đánh bạc.
- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đều đã qua sử dụng.

- Truy thu 2.500.000đ của bị cáo Nguyễn Văn V1 do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Phản tranh luận: Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận và bào chữa gì.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất và được hưởng án treo, các bị cáo hứa không vi phạm pháp luật gì nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình và thừa nhận hành vi đó là phạm tội, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Điều đó hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ và đã được thẩm tra xác M công khai tại phiên tòa. Như biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật, cùng những tài liệu chứng cứ khác. Đã chứng M được:

Khoảng 22 giờ 48 phút ngày 11/2/2019, tại nhà bị cáo M ở thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1; bị cáo M đã cho 11 bị cáo và cùng 11 bị cáo đánh bài ăn tiền trên 01 chiếu, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 13.180.000đ.

Do đó đã có đủ yếu tố để kết luận:

Các bị cáo Doãn Văn M, Trần Văn V, Dương M H, Nguyễn Đức Đ, Doãn Văn N, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn Đ1, Doãn Văn N1, Nguyễn Văn Q,

Nguyễn Tá Ng, Doãn Văn Q1 và Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo M là chủ nhà, đã cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình ở trên 01 chiếu bạc mặc dù không thu tiền hồ, với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 13.180.000đ. Nên theo quy định của pháp luật hành vi của bị cáo M đã phạm tội “Gá bạc”.

Như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 truy tố các bị cáo là hoà n toà n đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã xâm phạm vào trật tự công cộng, một khách thể quan trọng được BLHS bảo vệ. Tính chất phạm tội gá bạc của bị cáo M là nghiêm trọng, còn các bị cáo đánh bạc là ít nghiêm trọng. Hậu quả các bị cáo đã làm mất trật tự công cộng, trật tự xã hội. Nêu gương xấu cho người khác, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên. Đây là một tệ nạn đang làm nhức nhối trong xã hội, gây dư luận xấu, bức xúc trong nhân dân. Ngoài ra còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật. Là nguyên nhân ảnh hưởng đến hạnh phúc của nhiều gia đình, thậm trí có nhiều gia đình bị tan vỡ vì cờ bạc...

Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ được qui định tại Điểm s - Khoản 1- Điều 51- BLHS. Đối với các bị cáo V1, Đ1, N1, Q, Ng, Q1, S đều là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên các bị cáo này còn được hưởng một tình tiết giảm nhẹ nữa được quy định ở Điểm i- Khoản 1- Điều 51- BLHS. Các bị cáo S, V, V1, Q, Ng, Đ, N1 sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú. Bị cáo V còn có bố đẻ là thương binh và được chính phủ tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo M, Đ, H, N đã tự nguyện nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ 10.200.000đ tiền phạt và án phí. Bị cáo Ng đã tự nguyện nộp cho Chi cục THA huyện Quế Võ 25.000.000đ tiền phạt. Do vậy các bị cáo S, V, V1, Q, Ng, Đ, N1, M, H, N còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ áp dụng khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo V phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích của bản án ngày 19/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, nên pH chịu một tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân: Bị cáo V ngày 12/7/2013 đã bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo H ngày 16/12/2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Đ ngày 12/7/2013 đã bị Tòa án nhân dân

huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo N ngày 12/7/2013 đã bị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc N1 xử 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”.

Đây là một vụ án đồng phạm, nhưng các bị cáo cấu kết với nhau không chặt chẽ, nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không pH có tổ chức. Trong đó vai trò của bị cáo V1 là người khởi xướng và cùng đánh bạc với các bị cáo khác. Bị cáo M vừa cho các bị cáo đánh bạc ở nhà mình, vừa đánh bạc với các bị cáo khác. Xét về số tiền dùng vào việc đánh bạc thì: M nhiều nhất là 3.000.000đ, sau đó đến Đ1 2.220.000đ, N1 1.400.000đ, H 1.000.000đ, Ng 1.000.000đ, Q 1.000.000đ, Q1 800.000đ, V1 600.000đ, V 500.000đ, Đ 450.000đ, S 300.000đ, N ít nhất là 210.000đ.

Các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự bằng một hình phạt tù tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội. Riêng đối với bị cáo Ng, quá trình giải quyết vụ án đã tự nguyện nộp 25.000.000đ cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ, thể hiện thái độ ăn năn hối cải tích cực. Nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Ng, mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để trừng trị và giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo V có một tiền án về tội đánh bạc, bị cáo M phạm một lúc hai tội. Nên theo Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì hai bị cáo này không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Đối với bị cáo M pH áp dụng Điều 55- BLHS tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

Các bị cáo H, Đ, N có nhân thân đã bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc, nhưng đã được xóa án tích được nhiều năm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2- Điều 51- BLHS, có nơi cư trú rõ ràng... Nên theo Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì ba bị cáo này đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Còn các bị cáo khác đều là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở Khoản 1- Đ51- BLHS. Đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng...

Nên không cần thiết phải cách ly xã hội, mà cho các bị cáo bị này được hưởng án treo và phải chịu thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc N1 nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đối với các bị cáo phạm tội đánh bạc, xét cần pH áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo Ng đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền rồi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nữa.

Về tang vật vụ án: Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là

13.180.000đ cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với công cụ phạm tội gồm: 01 chiếc cối, 01 bộ bài tú lơ khơ đều đã qua sử dụng, giá trị không đáng kể, nên cần pH tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.500.000đ của bị cáo V1 do đánh bạc thắng, bị cáo để trong cốp xe máy của bị cáo, quá trình điều tra không thu giữ được. Nên cần truy thu số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: Doãn Văn M phạm tội: Gá bạc và Đánh bạc. Các bị cáo Trần Văn V, Dương M H, Nguyễn Đức Đ, Doãn Văn N, Nguyễn Văn V1, Nguyễn Văn Đ1, Doãn Văn N1, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Tá Ng, Doãn Văn Q1 và Nguyễn Văn S phạm tội: Đánh bạc.

Xử phạt:

1. Doãn Văn M: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm b, Khoản 1 Điều 322; Điểm s- Khoản 1- Điều 51; Khoản 2 - Điều 51; Điều 38; Điều 55- BLHS: Xử phạt Doãn Văn M 07 tháng tù về tội “ Đánh bạc”; 12 tháng tù về tội “ Gá bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chịu 19 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/02/2019 đến ngày 14/02/2019; Phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước; Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000đ ở Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 theo biên lai số 05658 ngày 11/6/2019.

2. Nguyễn Văn Đ1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Nguyễn Văn Đ1 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

3. Doãn Văn N1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Doãn Văn N1 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

4. Dương M H: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Dương M H 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000 đ ở Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 theo biên lai số 05661 ngày 12/6/2019.

5. Nguyễn Tá Ng: Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều

51; Khoản 2- Điều 51; Điều 35 của BLHS: xử phạt Nguyễn Tá Ng 25.000.000 đ. Xác nhận bị cáo đã nộp 25.000.000đ ở Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 theo biên lai số 05642 ngày 24/5/2019.

6. Nguyễn Văn Q: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Nguyễn Văn Q 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

7. Doãn Văn Q1: Áp dụng Khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Doãn Văn Q1 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

8. Nguyễn Văn V1: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1 - Điều 51; Khoản 2- Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Nguyễn Văn V1 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

9. Trần Văn V: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điểm h, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 của BLHS: xử phạt Trần Văn V 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 12/02/2019; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

10. Nguyễn Đức Đ: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Nguyễn Đức Đ 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000đ ở Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 theo biên lai số 05662 ngày 12/6/2019.

11. Nguyễn Văn S: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm i, s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Nguyễn Văn S 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

12. Doãn Văn N: Áp dụng Khoản 1, 3- Điều 321; Điểm s- Khoản 1, - Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS: xử phạt Doãn Văn N 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, và pH chịu thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt tiền bổ sung bị cáo 10.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 10.200.000đ ở Chi cục thi hành án dân sự huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 theo biên lai số 05660 ngày 12/6/2019.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc N1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án

treo cổ ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng của vụ án : □p dụng Điều 47 BLHS ; Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.180.000đ dùng vào việc đánh bạc.
- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cối, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đều đã qua sử dụng.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 08/5/2019 giữa Cơ quan CSĐT công an huyện Quế Võ tỉnh Bắc N1 và Chi cục THADS huyện Quế Võ).

- Truy thu số tiền 2.500.000đ của bị cáo Nguyễn Văn V1 do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: □p dụng Khoản 2- Điều 136- BLTTHS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, sở Tư pháp.
- VKSND tỉnh, huyện.
- Thi hành án, Công an huyện.
- Các bị cáo.
- Lu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ng Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hân Trịnh Văn Toán

Hoàng Ngọc Sơn